Bài tập tuần 1

1. Kiểm tra tính đúng của các mệnh đề sau

a)
$$(A \land (A \to B)) \to A$$

b)
$$\left(A \wedge \overline{B}\right) \to A$$

c)
$$(A \land (B \lor C)) \to C$$

2. Chứng minh các mệnh đề sau là tương đương logic

a)
$$(A \leftrightarrow B)$$
 và $(A \land B) \lor (\overline{A} \land \overline{B})$

b)
$$(\overline{A} \to \overline{B}) \wedge B$$
 và $A \wedge B$

3. Cho A, B, C là 3 mệnh đề thỏa mãn các mệnh đề sau đều đúng

$$(A \land C) \to (B \land C)$$

$$(A \lor C) \to (B \lor C)$$

Chứng minh rằng $A \to B$ là mệnh đề đúng

4. Cho
$$A = [1; 4), B = (1; 3), C = [2; 3].$$
 Xác định $(A \cap B) \setminus C$ và $(A \cup B) \setminus C$

5. Cho A, B, C là các tập hợp bất kỳ. Chứng minh rằng

a)
$$A \cap (B \setminus C) = (A \cap B) \setminus (A \cap C)$$

b)
$$A \setminus (A \cap B) = A \setminus B$$

c)
$$(A \setminus B) \setminus C = A \setminus (B \cup C)$$

6. Xác định tính đúng đắn của mệnh đề sau

"Do
$$A \cup (B \setminus A) = A \cup B$$
 nên $A \cup (B \setminus A) = A \cap B$ "

7. Cho f(x) và g(x) là các hàm xác định trên \mathbb{R} . Đặt

$$A = \left\{ x \in \mathbb{R} \mid f(x) = 0 \right\}$$

$$B = \left\{ x \in \mathbb{R} \mid g(x) = 0 \right\}$$

Xác địn<mark>h tập nghiệm</mark> của các phương trình sau

a)
$$f^2(x) = 0$$
, $g^2(x) = 0$

b)
$$\frac{f^2(x) + g^2(x)}{f(x)} = 0$$

8. Cho các tập A, B thỏa mãn

$$B \cup A = \{1, 2, 3, 4, 5\}$$

$$A \cap B = \{1, 3, a\}$$

$$B \setminus A = \{4\}$$

a) Xác định các giá trị mà a có thể nhận

b) Với
$$a=5$$
, tìm A và B

 $x \mapsto 3x + 1$

9. Các ánh xạ sau có là đơn ảnh? Toàn ánh? Song ánh?

a)
$$f: \mathbb{N} \to \mathbb{N}$$

b)
$$f: \mathbb{R}^2 \to \mathbb{R}^2$$

$$(x,y) \mapsto (x+y, x-y)$$

c)
$$f: \mathbb{R}^2 \to \mathbb{R}^2$$

$$(x,y) \mapsto (x^2 - y, x + y)$$

10. Cho ánh xạ $f:\mathbb{R}^2 \to \mathbb{R}^2$ xác định bởi $f(x,y)=(x+y,\,x-y)$ và tập A xác định bởi

$$A = \left\{ (x, y) \in \mathbb{R}^2 \mid x^2 + y^2 = 4 \right\}$$

Xác định f(A) và $f^{-1}(A)$

11. Cho $f(x) = x^3 - x$. Biết $f^{-1}(\{0\}) = \{x_1, x_2, x_3\} = A, f(x_1 + 1) = 6$ và x_2 là nghiệm của phương trình f(x) = x. Xác định A

12. Cho ánh xạ

$$f: \mathbb{R}^2 \to \mathbb{R}^2$$

 $(x,y) \mapsto (2x+3y, -x+my)$

Tìm m để f là một song ánh

13. Chứng minh $X = \mathbb{R} \setminus \{2\}$ với phép toán * lập thành nhóm Abel biết rằng

$$x * y = x + y - 2xy \ (\forall x, y \in X)$$

Nếu $X = \mathbb{R}$ thì (X, *) có là nhóm Abel nữa không?

14. Chứng minh G gồm các số chia hết cho 3 cùng với phép cộng thông thường lập thành một nhóm Abel

15. Cho (G,*) là một nhóm có phần tử trung hòa e. Biết rằng x*x=e với mọi $x\in G$. Nhóm (G,*) có là một nhóm Abel?

16. Tìm nghiệm phức của các phương trình sau

a)
$$z^2 - z + 1 = 0$$

b)
$$z^2 + 2iz - 5 = 0$$

c)
$$z^4 + 2iz^2 - 5 = 0$$

17. Biểu diễn các số phức sau dưới dạng chính tắc

a)
$$z = (1 + i\sqrt{3})^{12}$$

b)
$$z = (3+3i)^{2019}$$

c)
$$z = (a + bi)^{2020} (ab \neq 0)$$
 d) $z^7(\sqrt{3} + i) = 1 + i$

d)
$$z^7(\sqrt{3}+i) = 1+i$$

18. Cho $\varepsilon_0=1,\varepsilon_1,\varepsilon_2,...,\varepsilon_{2020}$ là 2021 căn bậc phức 2020 của 1. Tính

a)
$$A = \sum_{i=0}^{2020} \varepsilon_i$$

b)
$$B = \prod_{i=1}^{2020} (1 - \varepsilon_i)$$

c)
$$C = \sum_{1 \le i \le j \le 2020} \frac{1}{(2 + \varepsilon_i)(2 + \varepsilon_j)}$$

19. Cho
$$z = \frac{\sqrt{3} - i}{3}$$
. Tính $S = z^{2020} + (\overline{z})^{2020}$

20. Cho z_1, z_2, z_3, z_4 là 4 nghiệm phức của phương trình $z^4 - 5z + 6 = 0$. Tính

a)
$$A = z_1^2 + z_2^2 + z_3^2 + z_4^2$$

b)
$$B = z_1^4 + z_2^4 + z_3^4 + z_4^4$$